TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 456/2019/HC-PT
Ngày 16 tháng 7 năm 2019
V/v: Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Văn

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Sáng

Ông Phạm Công Mười

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Vi Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 662/2018/TLPT-HC ngày 23 tháng 11 năm 2018 về việc: *"Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai"*.

Do có kháng cáo của người khởi kiện đối với bản án hành chính sơ thẩm số 30/2018/HC-ST ngày 12 tháng 10 năm 2018 của Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 635/2018/QĐXX-PT ngày 18 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1/ Người khởi kiện: Bà **Trương Thị L**, sinh năm 1957;

Địa chỉ: đường Tr, Phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (Có mặt).

2/ Người bị kiện:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang;

-Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành C; Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M (Vắng mặt).

Địa chỉ: đường H, Phường 7, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

-*Người bảo vệ quyền và L2 ích hợp pháp:* Ông Ngô Việt Tr; Chức vụ: Phó Giám đốc Ban quản lý dự án nâng cấp đô thị thành phố M.

3. Người kháng cáo: Người khởi kiện – Bà Trương Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/4/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người khởi kiện Trương Thị L trình bày:

Ngày 05/12/2017, bà có đơn khiếu nại yêu cầu:

-Ban quản lý dự án Nâng cấp đô thị thành phố M trả bằng tiền mặt theo giá thỏa thuận, tương ứng giá đền bù diện tích còn thiếu của gia đình (441,9m^2). Hoặc đổi trả đất cho bà do các hộ Đỗ Vĩnh M ở hướng Tây, Lê Thanh T ở hướng Bắc và Trần Thị Kim A ở hướng Đông lấn chiếm đất công cộng của Nhà nước rồi lấy đất của bà làm công cộng khi giải tỏa quy hoạch chưa bồi thường đủ, bồi thường 85 trụ xi măng trên phần đất của bà bị đập bỏ chưa kịp di dời; Hoa màu là vườn dừa nước 800m^2 chỉ mới bồi thường cho ông L 30m^2, 02 cây mận và saboche; Định giá bồi thường 186,4m^2 theo hẻm 02m lại áp giá cho hẻm dưới 02m; Đất liền kề bị giải tỏa là đường 6,5m không đền bù đúng giá cho bà.

-Thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 07125 đã cấp cho ông L, có con đường đi chung của gia đình để xác định cấp trả lại chung cho hộ gia đình. Hoàn trả lại cho gia đình bà bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05749 ngày 14/4/2015 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 07125 ngày 29/7/2009 cấp cho ông L đại diện đứng tên.

-Yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố M tạm đình chỉ thi công phần đất chưa được giải quyết của bà khi vụ việc khiếu nại của bà chưa được giải quyết dứt điểm.

-Phải giải quyết khiếu nại theo đúng Luật khiếu nại cho cá nhân bà.

Ngày 21/3/2018, Ủy ban nhân dân thành phố M đã có văn bản số 1306/NC-UBND về việc trả lời đơn của bà. Theo đó, nội dung là đơn khiếu nại của bà không đủ điều kiện để thụ lý giải quyết, bà không có quyền và nghĩa vụ liên quan đến phần đất đó nên không thực hiện yêu cầu khiếu nại của bà.

Tuy nhiên, căn cứ vào nguồn gốc, bà cho rằng mảnh đất này thuộc quyền sở hữu của các đồng thừa kế, bà hoàn toàn có quyền và nghĩa vụ liên quan đối với mảnh đất đó và có đủ tư cách để khiếu nại theo quy định của Luật khiếu nại và Luật đất đai.

Nay, bà yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang hủy Văn bản số 1306/NC-UBND ngày 21/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M.

Tại văn bản số 4114/UBND-NCĐT ngày 20/7/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố M có ý kiến:

Phần đất bà Trương Thị L có đơn khiếu nại tọa lạc tại số 20/205 đường Tr, khu phố 3, Phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang có nguồn gốc do bà

Huỳnh Thị Th đăng ký sử dụng từ năm 1955. Năm 1988, bà Th tặng cho lại con là ông Trương Văn L trọn phần đất trên có diện tích 3.650m^2, loại đất quả tạp, theo Tờ trình số 218/PNN-RĐ ngày 09/8/1988 của Phòng Nông nghiệp và đã được Ủy ban nhân dân thành phố M phê duyệt số 1353/UB ngày 13/8/1988 cho ông Trương Văn L sử dụng phần diện tích 3.650m^2 loại đất quả tạp.

Đến ngày 29/7/2009, ông L xác định thổ cư diện tích 399,64m^2 trong tổng diện tích 3.650m^2 được Ủy ban nhân dân thành phố M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H06573 ngày 29/7/2009, tờ bản đồ số 38, thửa đất số 177 do cá nhân ông Trương Văn L đứng tên chủ sử dụng.

Phần diện tích còn lại thực tế của ông Trương Văn L là 2.910,2m^2 được Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố M tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH05109 ngày 12/11/2014, tờ bản đồ số 38, thửa đất số 287, loại đất trồng cây lâu năm.

Như vậy, xét về mặt pháp lý, phần đất bà Trương Thị L có đơn khiếu nại không liên quan trực tiếp đến quyền, L2 ích hợp pháp của người khiếu nại theo khoản 2 Điều 11 Luật Khiếu nại năm 2011. Ủy ban nhân dân thành phố M ban hành văn bản số 1306/NC-UBND ngày 21/3/2018 để trả lời đơn cho bà Trương Thị L là đúng quy định.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 30/2018/HC-ST ngày 12 tháng 10 năm 2018, Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị L yêu cầu hủy Văn bản số 1306/NC-UBND ngày 21/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 19/10/2018, Bà Trương Thị L làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu hủy Văn bản số 1306/NC-UBND ngày 21/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M. Công nhận được quyền khiếu nại tố cáo. Khi phát hiện được sai trái, quyền được thừa kế, sở hữu tài sản của cha mẹ cho theo quy định của pháp luật.

*Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

-Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Bà Trương Thị L khởi kiện ra Tòa yêu cầu hủy Văn bản số 1306/NC-UBND ngày 21/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M và yêu cầu cấp GCNQSDĐ mà Ủy ban nhân dân thành phố M đã cấp cho ông Trương Văn L. Tòa án cấp sơ thẩm khi thụ lý giải quyết vụ án không đưa ông Trương Văn L vào tham gia tố tụng là bỏ sót tư cách đương sự, vi phạm nghiêm trọng tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện và lập luận bà L không liên quan trực tiếp đến quyền, L2 ích hợp pháp khi Nhà nước thu hồi đất là không có căn cứ, bởi các lẽ sau:

[1] Trong các ngày 22/11/2017, ngày 01/12/2017 và ngày 05/12/2017, bà Trương Thị L có nhiều đơn gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M (Bút lục 88, 89, 91, 92) yêu cầu giải quyết 2 nộ dung: Ban quản lý dự án nâng cấp đô thị thành phố M trả bằng tiền theo giá thỏa thuận đối với diện tích đất còn thiếu 441,92m^2 và Thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 07125 đã cấp cho ông Trương Văn L.

Các chứng cứ có tại hồ sơ cho thấy diện tích 3.309,8m^2 mà ông Trương Văn L được Ủy ban nhân dân thành phố M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất có nguồn gốc là của bà Huỳnh Thị Th (Mẹ của ông L, bà L, L1, L2…) chia cho các con tại Tờ thỏa thuận chia nhà và đất hương hỏa do bà Huỳnh Thị Th lập ngày 12/02/2004 có Trương Văn L2, Trương Văn L, Trương Thị L, Trương Thị L1, Trương Thị L3cùng ký (Bút lục 23).

Nội dung tờ thỏa thuận là: Thử đất số 87, thuộc lô 253, diện tích 3.650m^2, có nhà 183m^2 tọa lạc tại số 20/205 Tr, được chia làm 4 phần, cụ thể:

- Liễu: ¼ phần đất trên và 1 phần nhà;

- Lễ: ¼ phần đất trên và 1 phần nhà;

- L2: ¼ phần đất trên, không nhà;

- Lài: ¼ phần đất trên, không nhà.

Như vậy, với cách phân chia trên thì căn nhà có diện tích 183m^2 chia cho ông L và bà L, còn ông L2 và bà L1 chỉ được chia đất. Đây là thỏa thuận sau cùng về việc bà Huỳnh Thị Th chia diện tích đất trên cho các con. Văn bản nhượng quyền sử dụng đất của bà Huỳnh Thị Th cho ông Trương Văn L (nếu có) thì chưa đảm bảo về mặt pháp lý, vì bà Th không có quyền cho cả phần ông Trương Văn Th, khi ông Th chết đã phát sinh quyền thừa kế.

Bản thân ông Trương Văn L không chứng minh được diện tích 3.309,8m^2 được Ủy ban nhân dân thành phố M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất không phải là diện tích mà ông được mẹ mình (Bà Huỳnh Thị Th) lập tờ phân chia ngày 12/02/2004.

Hiện tại bà Trương Thị L đang thường trú tại số 20/205 Tr, Phường 5, thành phố M đúng với địa chỉ mà ông Trương Văn L được cấp GCNQSDĐ và tài sản gắn liền với đất. Việc bà Trương Thị L khiếu nại yêu cầu tăng giá bồi thường đối với diện tích đất 441,92m^2 cũng như yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Trương Văn L, nội dung yêu cầu này thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan quản lý Nhà nước, bà L có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước xem xét lại việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trương Văn L. Có chấp nhận yêu cầu khiếu nại của bà L hay không là thẩm

quyền của cơ quan quản lý Nhà nước. Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M ban hành văn bản số 1306/NC-UBND ngày 21/3/2018 trả lời bà Trương Thị L không có quyền khiếu nại *(không phải là giải quyết bác yêu cầu khiếu nại)* là không đúng bản chất của vụ việc. Bà L khiếu nại về việc cơ quan cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L, đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông L, bà L không khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đối với ông L nên không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án dân sự.

[2] Ngày 02/4/2018, bà Trương Thị L khởi kiện yêu cầu hủy văn bản số 1306/NC-UBND ngày 21/3/2018 để trả lời đơn cho bà Trương Thị L với lý do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M không xem xét phần giá đền bù đối với diện tích 441,92m^2 cũng như không thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Trương Văn L là không đúng.

Khi thụ lý xét xử sơ thẩm, xem xét tính có căn cứ của văn bản số 1306/NC-UBND ngày 21/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M. Việc chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu hủy văn bản số 1306/NC-UBND ngày 21/3/2018 ảnh hưởng đến quyền và L2 ích hợp pháp của ông Trương Văn L. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông L và những người đang ở số 20/205 Tr tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền L2, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng tố tụng. Do đó, việc Viện kiểm sát đề nghị hủy án sơ thẩm giải quyết lại là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Do kháng cáo được chấp nhận nên bà Trương Thị L không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Trương Thị L.

-Hủy bản án sơ thẩm số 30/2018/HC-ST ngày 12 tháng 10 năm 2018 của Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định.

-Án phí sơ thẩm: Bà Trương Thị L không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng *(Theo Biên lai thu số 00692 ngày 22/10/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang)*.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang;
- Đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Lưu VP (3). HS (2). 17b

Lê Thành Văn

Các Thẩm phán		**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
Huỳnh Sáng	**Phạm Công Mười**	**Lê Thành Văn**